TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc* ----------

Bản án số: **472/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: **17/12/2025**
V/v: Xin ly hôn giữa chị Đỗ Thị Huyền T và anh Vũ Thanh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tự Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Mai và bà Lê Thị Thu Hạnh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên- Cán bộ Toà án nhân dân khu vực 11- Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Phương- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 464/2025/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2025/QĐXX ngày 04/12/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Huyền T, sinh năm 1998**

Nơi thường trú và trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện T, TP. Hà Nội nay là xã T, TP. Hà Nội.

(Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn: Anh Vũ Thanh B, sinh năm 1988**

Nơi thường trú: Tập thể K, xã T, huyện T, TP. Hà Nội nay là xã Đ, TP. Hà Nội.

Hiện đang trú tại: Jungang-gil79, Uiseong-gun, Gyeongsangbuk-do, Hàn Quốc

(Anh B vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt)

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn để giao, nhận tài liệu, văn bản của Tòa án là ông Phạm Duy H; Căn cước công dân số 024080000319 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 20/09/2022; Thẻ luật sư số 8680/LS do Liên đoàn luật sư

Việt Nam cấp ngày 09/01/2014; Địa chỉ: Tầng 17 Tòa Discovery, số 302 đường Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là chị Đỗ Thị Huyền T trình bày:**

- Về quan hệ: Tôi và anh Vũ Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội ngày 03/04/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại: Tập thể Kim khí, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội nay là xã Đại Thanh, TP. Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và bất đồng về cách nuôi dạy con cái. Việc vợ chồng mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải, góp ý nhưng không có kết quả. Bản thân hai bên đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không giải quyết được mà càng trầm trọng. Đến tháng 8/2018, anh B đã sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc, không về Việt Nam, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh B.

- Về con chung: Tôi và anh B có 01 con chung là Vũ Đức D, sinh ngày 08/08/2017.

Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Việc đóng góp nuôi con tôi và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ: Không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Vũ Thanh B trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Đỗ Thị Huyền T đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội ngày 03/04/2017 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, được gia đình đồng ý, pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại Tập thể Kim khí, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội nay là xã Đại Thanh, TP. Hà Nội. Sau khi sinh con vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chúng tôi không có quan điểm chung về hôn nhân, không có kế hoạch định hướng chung để nuôi dạy con và xây dựng hạnh phúc gia đình, quan hệ với người thân hai bên có sự khác biệt, chúng tôi không có nghĩa vụ trách nhiệm với nhau. Dù đã cố gắng tìm mọi cách để khắc phục, hàn gắn lại

cuộc hôn nhân nhưng không giải quyết được mà càng thêm trầm trọng. Đến tháng 8/2018, tôi đã sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc, không về Việt Nam,

Tôi xác định quan hệ hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn

- Về con chung: Tôi và chị T có 01 con chung là Vũ Đức D, sinh ngày 08/08/2017. Hiện cháu Dũng đang sinh sống cùng chị T được chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Tôi đề nghị Tòa án giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con sau ly hôn. Mức cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ: Không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

- Chị Đỗ Thị Huyền T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Anh Vũ Thanh B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

* Về nội dung vụ án: Chị T và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng chủ yếu là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống. Đến tháng 8/2018, anh B đã sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc, không về Việt Nam, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay

Nay nguyên đơn và bị đơn đều xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 147, Điều 207, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2025); Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Huyền T. Chị Đỗ Thị Huyền T được ly hôn anh Vũ Thanh B

- Về con chung: Giao con chung là Vũ Đức D, sinh ngày 08/08/2017 để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

- Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đỗ Thị Huyền T xin ly hôn anh Vũ Thanh B có nơi thường trú tại: Tập thể Kim khí, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội nay là xã Đại Thanh, TP. Hà Nội, hiện đang sinh sống tại: Jungang-gil79, Uiseong-gun, Gyeongsangbuk-do, Hàn Quốc. Toà án nhân dân khu vực 11- Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2025)

- Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Huyền T và anh Vũ Thanh B đều có ý kiến đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ Thị Huyền T và anh Vũ Thanh B được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội ngày 03/04/2017. Đây là một hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống. Đến tháng 8/2018, anh B đã sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc, không về Việt Nam, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị T và anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh B không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu

xin ly hôn của chị T đối với anh B là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận

*** Về con chung:** Chị T và anh B có 01 con chung là Vũ Đức D, sinh ngày 08/08/2017

Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là quyền và trách nhiệm của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, cháu Dũng cũng có nguyện vọng ở cùng chị T. Mặt khác, hiện anh B đang sinh sống, làm việc tại Hàn Quốc, không có điều kiện chăm sóc, nuôi con, anh B cũng có ý kiến đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng của chị T, anh B và cháu Dũng là chính đáng và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Do đó giao chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Dũng thời gian kể từ tháng 12/2025 đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với anh B nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh B cho đến khi chị T có yêu cầu. Anh B có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

*** Về án phí:** Chị Đỗ Thị Huyền T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 4 Điều 147, Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2025)

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Huyền T. Chị Đỗ Thị Huyền T được ly hôn anh Vũ Thanh B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Đức D, sinh ngày 08/08/2017 cho chị Đỗ Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 12/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh B cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp được trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017726 ngày 26/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội
- VKSND khu vực 11- Hà Nội
- Phòng THADS khu vực 11- Hà Nội
- UBND xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (nay là UBND xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội) số 25/2017 ngày 03/04/2017
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu